

- Từ 18/08/2006 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không có
- Số lượng cổ phần biểu quyết :

2.2. **Những thay đổi trong Ban điều hành:** Không có

2.3. **Số lượng cán bộ, công nhân viên:**

Tổng lao động đến 31/12/2013 khoảng 2.176 người. Trong đó:

- Tiến sĩ : 01 người
- Đại học, cao đẳng : 175 người
- Trung học chuyên nghiệp : 116 người
- Công nhân nghề : 20 người
- Lao động phổ thông : 1.864 người

Công ty thực hiện đầy đủ trách nhiệm do luật lao động qui định đối với người lao động như : tiền lương, thưởng, chế độ BHXH, BHYT, BHTN ...

3. **Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

3.1. **Các khoản đầu tư lớn:**

Năm 2013 công ty đã đầu tư lớn khu nuôi tôm tại ấp Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng với quy mô tổng diện tích 160 ha. Công trình này đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, triển khai nuôi từ cuối tháng 03/2013.

3.2. **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có

4. **Tình hình tài chính:**

4.1. **Tình hình tài chính:**

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	458.960.020.820	741.770.657.521	61,62
Doanh thu thuần	1.536.074.215.393	2.184.393.594.808	42,21
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.774.567.484	34.987.004.399	505,88
Lợi nhuận khác	951.555.564	598.349.521	(37,12)
Lợi nhuận trước thuế	6.726.123.048	35.585.353.920	429,06
Lợi nhuận sau thuế	6.096.399.607	32.737.977.880	437,01
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (đ/CP)	844	2.946	249,05

(Nguồn : Báo cáo Tài chính kiểm toán 2013)

4.2. **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm	Năm
--------------	--------	-----	-----

	tính	2012	2013
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,09	1,20
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,49	0,60
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	65,91	68,25
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	193,33	214,99
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,05	8,52
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	3,35	2,94
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	0,40	1,50
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	3,90	13,90
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	1,33	4,41
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,38	1,60
5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần			
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	844	2.946

(Nguồn : Báo cáo Tài chính kiểm toán 2013)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến 21/03/2014:

5.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành là : 12.222.630 cổ phần. Trong đó:

- Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do: 7.222.630 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 5.000.000 cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng (người)	Số lượng cổ phiếu	Số tiền theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước	1	1.380.000	13.800.000.000	10,61
2. Cổ đông là pháp nhân	17	6.987.020	69.870.200.000	53,75

3. Cổ đông là cá nhân	744	3.855.610	38.556.100.000	29,66
4. Cổ phiếu quỹ	1	777,370	7.773.700.000	5,98
Tổng cộng	763	13.000.000	130.000.000.000	100,00

Trong đó:

Cổ đông	Số lượng (người)	Số lượng cổ phiếu	Số tiền theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông lớn	3	7.211.440	72.114.400.000	55,47
- Pháp nhân	3	7.211.440	72.114.400.000	55,47
- Cá nhân	0	0	0	0
2. Cổ đông nước ngoài	60	435.340	4.353.400.000	3,35
- Pháp nhân	4	279.500	2.795.000.000	2,15
- Cá nhân	56	155.840	1.558.400.000	1,20

- 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của vốn chủ sở hữu: không có
 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có
 5.5. Các chứng khoán khác: không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Đánh giá hoạt động chế biến và xuất khẩu:

Việc tôm nuôi bị chết sớm trên phạm vi thế giới khiến cán cân cung cầu tôm trên thế giới bị chênh lệch lớn, dẫn tới tôm lên giá bất thường, khoảng 30- 50%. Đây là sự kiện chưa từng có, khiến các chương trình kinh doanh tôm bị phá sản. Những hợp đồng mua bán tôm ký kết trước theo thông lệ bị thiệt hại vô cùng lớn. Năm nay, do nhận định tình hình chung về tôm nguyên liệu là khó khăn, nên FMC đã giảm thiểu các đơn hàng ký trước. Tuy nhiên, do mối quan hệ đối tác lâu dài, FMC cũng có ký hợp đồng mua bán trước. Để giảm thiểu rủi ro, FMC đã ký hợp đồng mua tôm block từ Ấn Độ trang trải cho các hợp đồng ký trước. Tôm thế giới lên giá quá nhanh, các đối tác từ Ấn Độ đã hủy khoảng 50% các đơn hàng đã ký với FMC. Để giảm thiệt hại FMC đã thương lượng với các khách hàng đã ký hợp đồng mua bán trước nhờ hỗ trợ về giá và đã được chấp thuận. Từ đó, tài chính FMC lành mạnh. Đánh giá năm, năm đầu tiên đạt kim ngạch xuất khẩu trên 100 triệu USD, hoàn thành vượt kế hoạch mọi chỉ tiêu nghị quyết đại hội đồng cổ đông 2013. Đạt được kết quả khả quan này do lãnh đạo FMC đã thu thập thông tin tốt, đánh giá đúng diễn biến tình hình cung cầu tôm. Mặt khác, có mối quan hệ hết sức tốt đẹp với những

nhà tiêu thụ lớn sản phẩm của FMC. Và trong năm 2013, sản phẩm FMC đã tạo được sự tín nhiệm, chen chân được vào hệ thống bán hàng cao cấp ở thị trường Hoa Kỳ.

1.2. Đánh giá hoạt động nuôi tôm:

Năm 2013 là năm còn khó khăn trong việc nuôi tôm. Đánh giá tôm nguyên liệu sẽ giảm, FMC quyết định thực hiện chương trình nuôi tôm sau hơn một năm thực nghiệm. Trong bối cảnh khó khăn chung về nuôi tôm và kinh nghiệm chưa nhiều của mình, năm 2013 FMC tổ chức nuôi tôm được coi là giải pháp mang tính rủi ro cao. Nhưng với sự tự tin của mình, sự chu đáo cẩn thận trong việc triển khai công việc, việc nuôi tôm năm 2013 của FMC đã mang về thành quả vô cùng khả quan. Sản lượng đã thu hoạch là 560 tấn. Lợi nhuận đạt 15 tỷ đồng. Đánh giá, ngoài tiền lãi, cái được lớn của nuôi tôm là FMC có thêm nguyên liệu sạch, có cơ hội thuyết phục thêm khách hàng về chất lượng sản phẩm FMC. Và qua đó, FMC tích lũy được thêm nhiều kinh nghiệm vô cùng quý báu trong nuôi tôm.

1.3. Đánh giá hoạt động chế biến nông sản:

Trong năm 2013 sản lượng thành phẩm nông sản chế biến không cao. Nhưng thành quả lại rất tốt. Đã xác định rõ ràng mặt hàng chế biến chủ lực và có khách hàng lớn tiêu thụ. Qua đó, tuy doanh số chỉ đạt 2 triệu USD nhưng có lợi nhuận 3 tỷ đồng.

1.4. Kết quả đạt được :

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã được nêu chi tiết từng chỉ tiêu chủ yếu tại khoản 1, mục II trong báo cáo này. Tổng lợi nhuận sau thuế tăng rất nhiều so với năm 2012 và vượt xa kế hoạch đề ra từ đầu năm.

Tóm lại từ những đánh giá nêu trên, trong năm 2013 FMC đã đạt được những tiến bộ đáng kể cũng là nguyên nhân chủ yếu tạo nên mức lợi nhuận như sau:

- Mặc dù tình hình giá nguyên liệu biến động cao nhưng lãnh đạo công ty đã thu thập thông tin tốt, đánh giá đúng diễn biến tình hình cung cầu tôm.
- Đẩy mạnh doanh số bán hàng, tăng mạnh số vòng quay hàng tồn kho.
- Có mối quan hệ hết sức tốt đẹp với những nhà tiêu thụ lớn sản phẩm của FMC. Chính những khách hàng này chia sẻ những khó khăn trong bối cảnh biến động mạnh về giá nguyên liệu.
- Sản phẩm FMC đã tạo được sự tín nhiệm, chen chân được vào hệ thống bán hàng cao cấp ở thị trường Hoa Kỳ.
- Mặt hàng nông sản nhờ xác định lại rõ ràng mặt hàng chủ lực và có khách hàng lớn cũng mang lại lợi nhuận 3 tỉ đồng.
- Mảng nuôi tôm mặc dù mới mẻ nhưng nhờ có chuẩn bị trước nên mang lại lợi nhuận đáng kể. Qua đó tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm cho những năm tiếp theo.

2. Tình hình tài chính:

2.4. Tình hình tài sản:

Tình hình tài sản trong năm biến động như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2012	2013	Chênh lệch
-----	----------	------	------	------------

01	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	329.653	605.705	276.052
	Trong đó:			
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	12.738	151.574	138.836
	- Phải thu ngắn hạn	128.733	131.490	2.757
	- Hàng tồn kho	181.272	300.126	118.854
	- Ngắn hạn khác	6.910	22.515	15.605
02	<i>Tài sản dài hạn</i>	129.307	136.065	6.758
	Trong đó:			
	- Tài sản cố định	114.482	118.082	3.600
	- Đầu tư tài chính dài hạn	10.400	10.400	0
	- Dài hạn khác	4.425	7.583	3.158
	Tổng tài sản	458.960	741.770	282.810

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013)

Tài sản tăng nhiều so với đầu năm chủ yếu:

(1) Tiền và các khoản tương đương tiền tăng do: Tiền thu được từ bán hàng dùng để mua lại các công cụ tương đương tiền nhằm giảm chi phí lãi vay.

(2) Hàng tồn kho cuối năm tăng mạnh so với đầu năm do công ty còn tồn đọng nhiều hợp đồng chưa xuất được ở giai đoạn cuối năm và chuẩn bị xuất cho giai đoạn đầu năm sau.

(3) Nợ ngắn hạn khác tăng cao so đầu năm: Với chính sách của Nhà nước thu hẹp, làm chậm việc hoàn thuế GTGT đối với doanh nghiệp xuất khẩu, nhất là đối với doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng nông, lâm, thủy hải sản xuất khẩu ở giai đoạn 6 tháng cuối năm 2013 làm cho FMC cũng bị ảnh hưởng. Từ đó phải thu tiền thuế GTGT cuối năm còn tồn đọng tăng hơn 10 tỉ đồng so với đầu năm. Tuy nhiên, khoảng tiền này đã được cơ quan thuế hoàn trả nhanh trong tháng 01 năm 2014.

(4) Tài sản dài hạn tăng: Nguyên nhân chủ yếu Công ty đã đầu tư lớn khu nuôi tôm tại Vĩnh Tân, Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng ngay từ đầu năm với số tiền lớn hơn như trên so với khoảng khấu hao trong năm.

2.5. Tình hình nợ phải trả:

Tình hình nợ phải trả cuối niên độ so với đầu năm tăng 204 tỉ đồng chủ yếu tăng từ khoản nợ vay ngắn hạn ngân hàng do việc đẩy mạnh lượng hàng tồn kho ở giai đoạn cuối năm. Trong năm không có khoản nợ vay nào quá hạn trả nợ.

Việc vay nợ từ các ngân hàng chủ yếu tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động phục vụ xuyên suốt cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Với tình hình ổn định cặp tỉ giá USD/VND trong năm công ty thực hiện vay nợ từ các ngân hàng thương mại chủ yếu vay USD nhằm giảm chi phí lãi vay.

✓ Về rủi ro tỉ giá:

Chỉ tiêu (tại ngày 31/12/2013)	Tiền gốc ngoại tệ		Tương đương VND (triệu đồng)	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	1.537.219,84	259,96	32.408	7
Phải thu	6,395.139,86		132.605	

<i>Tổng cộng</i>	<i>7.932.359,70</i>	<i>259,96</i>	<i>165.013</i>	<i>7</i>
Nợ tài chính				
Các khoản vay	(8.475.923,60)		(178.689)	
Các khoản phải trả khác	(2.608.853,60)		(55.000)	
<i>Tổng cộng</i>	<i>(11.084.777,20)</i>		<i>(233.689)</i>	
Mức độ rủi ro tiền tệ	(3.152.417,50)	259,96	(68.676)	7

(Nguồn : Báo cáo Tài chính đã kiểm toán 2013)

Nếu đồng USD mạnh/yếu đi 10% so với đồng VN trong khi các biến số khác vẫn giữ nguyên không đổi thì mức độ rủi ro về tỉ giá ảnh hưởng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ thấp/cao hơn một khoản là 6.867.593.629 đồng VN. Đảm bảo dự phòng và giảm mức độ rủi ro này, công ty luôn có một lượng hàng tồn kho sẵn sàng với đơn hàng xuất khẩu có sẵn trị giá hơn 5 triệu USD trong vòng 1 tháng tới.

✓ Về khả năng thanh toán nợ phải trả: công ty luôn đảm bảo thanh toán các khoản nợ phải trả vì hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn luôn lớn hơn 1.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

- Hoạt động nuôi tôm đã được ổn định.
- Luôn có sự điều chỉnh kịp thời chiến lược kinh doanh và hệ thống giải pháp tương ứng nhất là trong bối cảnh môi trường kinh doanh đầy biến động, coi chiến lược kinh doanh là đòn bẩy, nền tảng xây dựng chiến lược các mặt hoạt động khác.

4. Kế hoạch phát triển tương lai:

4.1 Đánh giá:

- Khó khăn còn tiếp diễn về thị trường lẫn nguyên liệu do kinh tế thế giới còn bất ổn và dịch bệnh nuôi tôm còn tiềm ẩn.
- Tài chính công ty lành mạnh và tăng thêm vốn điều lệ, tăng lòng tin với các ngân hàng thương mại dẫn đến hạn mức tín dụng của các ngân hàng đối với hoạt động công ty vẫn cao. Công ty chủ động tài chính cho các mặt hoạt động của mình.
- Xác định hoạt động chủ lực vẫn là *nuôi tôm, chế biến tôm và chế biến nông sản*.
- Chương trình trọng tâm thúc đẩy kinh doanh: *thâm nhập hệ thống phân phối thủy sản cao cấp hàng đầu ở Hoa Kỳ và tiếp thị hàng tinh chế thị trường châu Âu bên cạnh duy trì tốt các khách hàng và thị trường đã có.*

4.2 Kế hoạch dự kiến năm 2014:

- Doanh số: 2.200 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: tối thiểu 40 tỷ đồng.
- Cổ tức: tối thiểu là 15%.

4.3 Giải pháp:

- Tổ chức đoàn tham dự hội chợ thủy sản quốc tế lớn ở Boston Hoa Kỳ và Brusell Bỉ, nhằm mở rộng thị trường, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm cao cấp của công ty.

- Xây dựng xưởng chế biến tôm cao cấp tại khu đất đang thuê trong khu công nghiệp An Nghiệp, Sóc Trăng. Kinh phí khoảng 60 tỷ đồng. Xưởng này chuyên chế biến tôm cao cấp cung ứng thị trường Hoa Kỳ. Mục đích là tăng năng lực sản xuất lên 30-40%, tăng sức cạnh tranh của FMC. Việc này là cần làm ngay, càng sớm càng tốt, phân đầu hoàn thành cuối quý III năm 2014.

- Cải tạo thiết bị xưởng chế biến hàng bao bột nhằm sản lượng chế biến lên 30-40%, tăng thâm mỹ mẫu mã sản phẩm và tăng năng suất lao động, tiết kiệm năng lượng. Hoàn thành đầu quý II năm 2014.

- Nâng cao năng lực chế biến hàng phối chế tại nhà máy thực phẩm An San nhằm tăng doanh số và đồng lời. Dĩ nhiên chỉ ưu tiên tăng sản lượng những mặt hàng có tỉ suất lợi nhuận tốt nhất. Việc nâng cao năng lực chế biến này thực hiện kết hợp với việc xây dựng xưởng thủy sản sát bên. Chỉ tập trung điều chỉnh dây chuyền sản xuất mà không có đầu tư bổ sung thiết bị nên kinh phí phát sinh không lớn.

- Đánh giá sắp tới là tình hình nuôi tôm còn khó khăn, dịch bệnh tôm chết sớm đang lan tới Ấn Độ, nên giá tôm còn cao thời gian tới. FMC quyết định triển khai vụ nuôi I/2014 sớm.

- Bán hết hơn 700.000 cổ phiếu quỹ để thêm nguồn tài chính đầu tư mở rộng sản xuất. Thực hiện ngay sau khi trả cổ tức 2013.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc với ý kiến kiểm toán: không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY:

1. Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty:

- Giá tôm tươi cao ngất ngưỡng, tăng nhanh và kéo dài nửa cuối năm. Nguyên nhân: (1) Nguyên liệu trong nước khan hiếm do tôm nuôi tiếp tục bị dịch bệnh kéo dài; (2) Sự tranh mua gay gắt giữa các doanh nghiệp cùng ngành; (3) Đặc biệt có sự tranh mua của các thương lái từ Trung Quốc.

- Việc tăng giá nguyên liệu mang lại nhiều lợi nhuận tới người nuôi tôm trứng. Liên sau đó, sản lượng tôm nuôi có tăng khiến người nuôi trứng được lợi kép. Công ty cũng đã tổ chức nuôi thành công ở Vĩnh Châu, Sóc Trăng và góp phần đem lại hiệu quả chung cho công ty. Tuy nhiên, việc tăng giá nguyên liệu nhanh và mạnh gây áp lực lớn cho việc trả nợ các đơn hàng ký trước đó, làm ảnh hưởng lớn cho kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Bù lại, trong năm công ty cũng đã được hỗ trợ giá từ một số khách hàng tiêu thụ thân thuộc nhằm giảm thiểu thiệt hại cho công ty.

- Đơn hàng từ nước ngoài về nhà máy chế biến nhiều bất thường. Ngoài ra đầu mỗi khách hàng và chủng loại sản phẩm chế biến cũng tăng.

- Sản lượng tôm xuất khẩu và kim ngạch mang về tăng mạnh, nhất là kim ngạch xuất khẩu, do giá xuất khẩu tăng trung bình 30%.

- Việt Nam bắt ngờ trở thành bạn hàng lớn của các nhà xuất khẩu tôm, lớn thứ hai của Ecuador, lớn thứ ba của Ấn Độ. Công ty mua rất nhiều tôm block từ Ấn Độ, Ecuador về tạm nhập tái xuất, qua đó tăng được doanh số xuất khẩu.

2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:

Từ những diễn biến phức tạp nêu trên, Ban lãnh đạo công ty đã có tầm nhìn đúng đắn và kịp thời, từng bước khắc phục và linh động trong hoạt động điều hành đã đưa công ty mang đến lợi nhuận lớn nhất từ trước đến nay.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Do có sự thay đổi lớn về cổ đông chiến lược, việc đầu tiên là củng cố Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát.

- Trên nền tảng chủ định của các cổ đông lớn, bối cảnh hoạt động và nhu cầu thực tế, HĐQT sẽ xây dựng chiến lược kinh doanh trong giai đoạn mới. Đó là *Luôn coi việc nâng cao chất lượng sản phẩm là nhiệm vụ hàng đầu song song với việc phát triển sản xuất từng bước vững chắc, tăng doanh số, tăng hiệu quả và đồng lời. Trong việc phát triển sản xuất sẽ từng bước chủ động nguyên liệu sạch thông qua xây dựng chương trình nuôi tôm quy mô lớn. Ngoài ra luôn coi trọng tiết kiệm mọi mặt đồng thời luôn giữ gìn cốt lõi của nét văn hóa doanh nghiệp là hết sức coi trọng chữ tín trong kinh doanh, tăng cường sự đoàn kết nội bộ, hỗ trợ nhau trong mọi mặt hoạt động.*

- Trong hoạt động, HĐQT cũng luôn coi trọng việc nắm thông tin phải kịp thời. Và trên hết phải nhanh chóng xử lý thông tin để tranh thủ mọi cơ hội kinh doanh. HĐQT coi trọng việc thực hiện từng bước chiến lược kinh doanh đã đề ra, trong đó chú trọng các giải pháp thực hiện sao phù hợp thực tế và có sự linh hoạt uyển chuyển kịp thời sao giảm thiểu nhất thiệt hại (nếu xảy ra) và tăng tối đa hiệu quả hoạt động. HĐQT coi trọng việc kinh doanh tiền tệ, nắm bắt tình hình diễn biến tỉ giá nhằm có hướng vay để giảm chi phí lãi vay ngân hàng. HĐQT cũng coi trọng việc chăm lo đời sống người lao động là một việc làm thường xuyên để người lao động yên tâm, gắn bó, tăng năng suất và chất lượng công việc.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ năm giữ (%)
01	Hồ Quốc Lực ⁽¹⁾	Chủ tịch	1.490.000	11,46
02	Hà Việt Thắng ⁽²⁾	P. Chủ tịch	0	0
03	Phạm Hoàng Việt	Thành viên	27.500	0,21
04	Tô Minh Chăng	Thành viên	10.400	0,08
05	Mã Ích Hưng	Thành viên	9.700	0,07
06	Đình Văn Thới ⁽³⁾	Thành viên	9.500	0,07
	Tổng cộng		1.547.100	11,89

Ghi chú: (1) Trong đó Vốn Nhà nước là 1.380.000 cổ phần.

(2) Được bổ nhiệm từ 26/04/2013

(3) Được miễn nhiệm từ 26/04/2013

1.2. Các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có

1.3. Hoạt động của HĐQT:

Trong năm, HĐQT đã triệu tập 04 lần họp chính thức và nhiều lần họp bất thường để thông qua và quyết định những vấn đề lớn của công ty như sau:

- Thông qua báo cáo tổng kết của Tổng Giám đốc công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 và phương hướng hoạt động cho năm 2013.

- Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán 2012.

- Thông qua các văn kiện và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013.

- Thông qua phương án lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, phương án niêm yết và lưu ký liên quan đợt phát hành riêng lẻ 5 triệu cổ phiếu.

- Lựa chọn công ty kiểm toán là AASCS để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013; Thống nhất bầu ông Hà Việt Thắng làm Phó Chủ tịch HĐQT.

- Thông qua phương án hoạt động sản xuất kinh doanh 2013 và phương án vay vốn lưu động tại các ngân hàng thương mại.

- Thông qua mức chi cổ tức bằng tiền mặt là 7%/mệnh giá.

- Xem xét đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý và triển khai phương án cho Ban Tổng giám đốc thực hiện nhằm điều chỉnh, khắc phục khó khăn trong từng thời điểm cụ thể.

- Thống nhất đầu tư thêm một xưởng chế biến tôm cao cấp tại Khu Công nghiệp An Nghiệp Sóc Trăng bằng nguồn vốn tự có 60 tỉ đồng. Việc xây dựng xưởng chế biến này nhằm mục đích tăng năng lực chế biến tăng từ 30-40% phục vụ chính cho phân khúc thị trường xuất sang Mỹ. Đồng thời cải tạo, nâng cấp xưởng tôm bao bột nhằm tăng năng suất, sản lượng và cải tiến mẫu mã sản phẩm.

1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Không có

1.5. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có

1.6. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty: Không có

2. **Ban kiểm soát:**

2.1. Thành viên và cơ cấu của BKS:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ năm giữ (%)
1	Chung Thanh Tâm	Trưởng ban	0	0
2	Lữ Thanh Phú ⁽¹⁾	Thành viên	8.900	0,12
3	Nguyễn Quốc Chiêm ⁽²⁾	Thành viên	0	0
4	Nguyễn Thanh Tùng ⁽³⁾	Thành viên	0	0
5	Hoàng Thanh Vũ ⁽⁴⁾	Thành viên	14.740	0,11

Ghi chú: (1) và (2) Được miễn nhiệm từ 26/04/2013

(3) và (4) Được bổ nhiệm từ 26/04/2013

2.2. Hoạt động của BKS:

2.2.1. Công tác tổ chức và phân công:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/4/2013 đã thay đổi nhân sự cho phù hợp với việc cơ cấu vốn điều lệ như sau: Hội đồng quản trị đương nhiệm rút 01 thành viên và bổ sung mới 01 thành viên làm Phó Chủ tịch HĐQT; Ban Kiểm soát rút 02 thành viên và bổ sung mới 02 thành viên cho phù hợp với cơ cấu vốn nhằm đảm bảo quyền lợi cổ đông và công ty.

Sau Đại hội, Ban Kiểm soát với 3 thành viên (trong đó: 02 thành viên bên ngoài công ty) tổ chức thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát độc lập về các hoạt động của Công ty, của Hội đồng quản trị và Ban điều hành về việc thực hiện chấp hành các Nghị quyết Đại hội, Nghị quyết Hội đồng quản trị và Pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Phân công Trưởng ban chịu trách nhiệm chung và các hoạt động về tài chính công ty; 01 thành viên chịu trách nhiệm theo dõi về công tác tổ chức nhân sự tại công ty, chất lượng nguyên liệu, thành phẩm (đầu vào, đầu ra) tình hình các phân xưởng, các khu nuôi tôm; đồng thời làm thư ký mỗi kỳ họp; và 01 thành viên chịu trách nhiệm theo dõi về lĩnh vực đầu tư và tài chính doanh nghiệp.

2.2.2. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS):

Ban Kiểm soát đầu năm xây dựng chương trình kiểm tra, kiểm soát theo Điều lệ hoạt động công ty; nhằm giám sát hoạt động điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc công ty trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; các chỉ tiêu kế hoạch năm của Hội đồng quản trị giao.

Năm qua, BKS tổ chức họp 4 lượt (trong đó họp có 3 lượt họp trao đổi qua mạng Internet) để đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nhằm xem xét những vấn đề cần quan tâm. Kết quả kiểm tra, kiểm soát được tổng hợp từ các báo cáo của các thành viên BKS công ty được xem ở mức ổn định, bình thường.

2.2.3. Giám sát hoạt động tài chính và sản xuất kinh doanh năm 2013:

Báo cáo tài chính năm 2013 của công ty do Ban Tổng giám đốc chỉ đạo Phòng kế toán lập để trình Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán; được công ty kiểm toán AASCS xác nhận kết quả báo cáo tài chính và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013 theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam; đồng thời báo cáo quyết toán năm không có những sai sót trọng yếu.

Bảng tổng hợp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013		Tỷ lệ %KH/T H
		Số liệu Báo cáo của CTy	Báo cáo được kiểm toán	
Tổng doanh thu	1.800.000.000	2.187.409.325	2.184.393.594	121,30%
Lợi nhuận trước thuế	20.000.000	35.585.353	35.585.353	177,90%
Tỷ lệ chia cổ tức	> 10%	Trình 15%		

2.2.4. Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát:

Giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Ban điều hành Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN) tổ chức thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

Giám sát Ban Điều hành đã thực thi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như: Việc điều hành sản xuất, tuyển dụng lao động đáp ứng cho sản xuất kinh doanh và thực hiện chính sách người lao động, chế độ lương, phụ cấp độc hại, trang cấp bảo hộ lao động đúng theo quy định hiện hành.

Sử dụng vận hành thiết bị hoạt động an toàn, phát huy được hiệu suất cao, không xảy ra sự cố ảnh hưởng đến sản xuất và kinh doanh.

Công tác bảo trì trang thiết bị được tổ chức thực hiện đúng định kỳ phù hợp với các tiêu chuẩn quy định.

Việc tổ chức quản lý doanh nghiệp, đơn vị có ban hành các Quy chế, Quy định như: quy trình xuất, nhập vật tư, định mức sử dụng nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng chặt chẽ đáp ứng cho yêu cầu phục vụ sản xuất; đồng thời công ty xây dựng kế hoạch tiết kiệm chi phí đầu vào nhằm hạ giá thành để tăng sức cạnh tranh trong lúc kinh tế thế giới đang khủng hoảng khó khăn chung.

Việc kiểm tra các sản phẩm trước khi nhập kho và xuất bán; công ty tổ chức theo đúng quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, nhưng vẫn còn hạn chế về năng lực và thiết bị tầm soát chất lượng sản phẩm.

Năm 2013 Công ty có ao nuôi tôm nên chủ động nguồn nguyên liệu nuôi sạch tránh được rủi ro sản phẩm nhiễm khuẩn và kháng sinh như những năm trước đây; mặt khác việc nuôi tôm cũng tháo gỡ những khó khăn về giá nguyên liệu đầu vào, riêng việc hạch toán nuôi tôm năm qua có lãi tốt.

Nhận xét tình hình chung:

Năm 2013 tình hình công ty sản xuất kinh doanh đạt và vượt các chỉ tiêu Đại hội đề ra, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu diễn biến vô cùng phức tạp làm ảnh hưởng đến xuất khẩu toàn ngành thủy sản.

Với sự nỗ lực không ngừng và quyết tâm của Hội đồng quản trị, trực tiếp là Ban Điều hành công ty đã phấn đấu vượt qua thua lỗ.

Các chỉ tiêu an toàn vệ sinh thực phẩm ngày nâng cao và hệ thống Marketing nỗ lực tìm thị trường mới để góp phần tiêu thụ và tổ chức sản xuất sản phẩm phù hợp với thị trường quốc tế hiện nay.

Tình hình nguyên liệu biến động phức tạp nhất là giá cả và chất lượng nguyên liệu, đồng thời có những lúc khó khăn giá nguyên liệu tăng liên tục ảnh hưởng những đơn hàng ký trước với giá thấp.

Chi phí tăng như: Lãi suất tín dụng, giá điện tăng, giá vật tư tăng và những thời điểm nguyên liệu ít công ty phải bù quỹ tiền lương trợ giá nhằm đảm bảo thu nhập của công nhân.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và BKS:

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

ĐVT: Đồng

ST T	Họ và Tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao	Lợi ích khác	Tổng thu nhập
01	Hồ Quốc Lực	CT HĐQT	630.640.000	63.000.000		693.640.000
02	Hà Việt Thắng	PCT HĐQT		30.000.000		30.000.000
03	Phạm Hoàng Việt	TV HĐQT	529.940.000	45.000.000		574.940.000
04	Tô Minh Chăng	TV HĐQT	381.098.000	44.500.000		425.598.000
05	Mã Ích Hưng	TV HĐQT	436.540.000	42.000.000		478.540.000
06	Đình Văn Thới	TV HĐQT	377.814.000	18.000.000		395.814.000
07	Dương Ngọc Kim	Phó TGD	392.540.000			392.540.000
08	Chung Thanh Tâm	TB.BKS		45.000.000		45.000.000
09	Lữ Thanh Phú	TV.BKS	188.084.000	12.000.000		200.084.000
10	Nguyễn Quốc Chiêm	TV.BKS	189.484.000	12.000.000		201.484.000
11	Nguyễn Thanh Tùng	TV.BKS		18.000.000		18.000.000
12	Hoàng Thanh Vũ	TV.BKS	297.300.000	18.000.000		315.300.000
	Tổng cộng		3.423.440.000	347.500.000		3.770.940.000

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đầy đủ.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH: Tham khảo Phụ lục đính kèm.

Sóc Trăng, ngày 03 tháng 04 năm 2014

Đại diện pháp luật của công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC



HỒ QUỐC LỰC